

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP 2

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Quản trị kinh doanh

1. Tên học phần: Quản trị tác nghiệp 2

2. Mã học phần: QTKD 353

3. Số tín chỉ: 3 (3, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ tư

5. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã được học học phần Quản trị tác nghiệp 1.

7. Giảng viên:

| STT | Học hàm, học vị, họ tên | Số điện thoại | Email |
|-----|-------------------------|---------------|---------------------------|
| 1 | ThS. Trần Thị Hằng | 0984.696.418 | tranhang.k48neu@gmail.com |
| 2 | ThS. Ngô Thị Luyện | 0977.336.889 | ngothiluyendhsd@gmail.com |
| 3 | ThS. Nguyễn Thị Huế | 0984.152.429 | ng.huetoan@gmail.com |

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Quản trị tác nghiệp 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khái quát về các chiến lược và các phương pháp hoạch định tổng hợp, yêu cầu và trình tự của hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, phương pháp phân giao công việc trong doanh nghiệp, quản trị dự án sản xuất và phương pháp xác định kích cỡ lô hàng. Qua đó giúp sinh viên lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực quản trị tác nghiệp tại doanh nghiệp.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

| Mục tiêu | Mô tả | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT |
|----------|---|----------------------------|--------------------------------------|
| MT1 | Kiến thức | | |
| MT1.1 | Có kiến thức cơ bản về hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu. | 2 | [1.2.1.2b.] |
| MT1.2 | Có kiến thức chuyên sâu về điều độ sản | 4 | [1.2.1.2b.] |

| Mục tiêu | Mô tả | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT |
|-----------------|--|-----------------------------------|---|
| | xuất, quản trị dự án và quản trị hàng dự trữ để quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng quản trị tác nghiệp tại các tổ chức trong nền kinh tế. | | |
| MT2 | Kỹ năng | | |
| MT2.1 | Tính toán các chiến lược hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu trong doanh nghiệp. | 3 | [1.2.2.1.] |
| MT2.2 | Có kỹ năng phân tích về phân giao công việc, lập kế hoạch dự án và xác định mô hình dự trữ phù hợp cho doanh nghiệp. | 4 | [1.2.2.3.] |
| MT2.3 | Có kỹ năng kiểm tra, giám sát và phát triển dự án sản xuất. | 5 | [1.2.2.1.] |
| MT3 | Mức tự chủ và trách nhiệm | | |
| MT3.1 | Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi. | 4 | [1.2.3.1] |
| MT3.2 | Có năng lực hướng dẫn, giám sát và xây dựng phương án nâng cao hiệu quả hoạt động tác nghiệp trong tổ chức kinh tế. | 4 | [1.2.3.2] |

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

| CĐR học phần | Mô tả | Thang đo Bloom | Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT |
|---------------------|--|-----------------------|--|
| CĐR1 | Kiến thức | | |
| CĐR1.1 | Phân tích được các chiến lược trong hoạch định tổng hợp và trình tự hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu. | 4 | [2.1.5] |
| CĐR1.2 | Vận dụng được các phương pháp hoạch định tổng hợp và xác định kích cỡ lô hàng để lựa chọn phương án tối ưu. | 3 | [2.1.6] |
| CĐR1.3 | Vận dụng các phương pháp phân giao công việc, các mô hình quản trị hàng dự trữ để quản lý, điều hành hoạt động sản xuất. | 3 | [2.1.6] |
| CĐR1.4 | Phân tích kế hoạch dự án sản xuất trong doanh nghiệp. | 4 | [2.1.6] |

| CĐR học phần | Mô tả | Thang đo Bloom | Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT |
|---------------------|---|-----------------------|--|
| CĐR2 | Kỹ năng | | |
| CĐR2.1 | Phân tích và lựa chọn chiến lược hoạch định tổng hợp phù hợp cho doanh nghiệp . | 4 | [2.2.1] |
| CĐR2.2 | Áp dụng phương pháp xác định kích cỡ lô hàng để lựa chọn cỡ lô tối ưu. | 3 | [2.2.1] |
| CĐR2.3 | Lập lịch trình sản xuất và lựa chọn phương pháp phân giao công việc hợp lý. | 5 | [2.2.2] |
| CĐR2.4 | Có kỹ năng phân nhóm hàng dự trữ và lựa chọn mô hình dự trữ tối ưu. | 5 | [2.2.2] |
| CĐR2.5 | Tổ chức lập kế hoạch, đánh giá, kiểm tra và phát triển được dự án sản xuất. | 6 | [2.2.3] |
| CĐR3 | Mức tự chủ và trách nhiệm | | |
| CĐR3.1 | Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, có ý thức chịu trách nhiệm và tư duy phản biện khoa học. | 4 | [2.3.1] |
| CĐR3.2 | Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ, đánh giá chất lượng công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. | 5 | [2.3.2] |

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

| Chương | Nội dung học phần | Chuẩn đầu ra của học phần | | | | | | | | | | |
|--------|---|---------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| | | CDR1 | | | | CDR2 | | | | | CDR3 | |
| | | CDR 1.1 | CDR 1.2 | CDR 1.3 | CDR 1.4 | CDR 2.1 | CDR 2.2 | CDR 2.3 | CDR 2.4 | CDR 2.5 | CDR 3.1 | CDR 3.2 |
| 1 | Chương 1: Hoạch định tổng hợp 1.1. Thực chất và nhiệm vụ của hoạch định tổng hợp 1.2. Các chiến lược trong hoạch định tổng hợp 1.3. Các phương pháp hoạch định tổng hợp | x | x | | | x | | | | | x | |
| 2 | Chương 2: Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu 2.1. Thực chất và yêu cầu của hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu 2.2. Xây dựng hệ thống hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu 2.3. Phương pháp xác định kích cỡ lô hàng 2.4. Đảm bảo sự thích ứng của hệ thống MRP với những thay đổi của môi trường | x | x | | | | x | | | | x | |
| 3 | Chương 3: Điều độ sản xuất trong doanh nghiệp 3.1. Thực chất, vai trò của điều độ sản xuất 3.1.3. Lập lịch trình sản xuất 3.2. Phân giao công việc trên một máy trong hệ thống sản xuất bố trí theo quá trình 3.3. Phương pháp phân giao công việc trên nhiều đối tượng | | | x | | | | x | | | x | |
| 4 | Chương 4: Quản trị dự án sản xuất 4.1. Dự án và quản trị dự án 4.2. Giai đoạn chuẩn bị dự án 4.3. Lập kế hoạch dự án 4.4. Đánh giá và kiểm tra dự án 4.5. Phát triển dự án và giai đoạn “sau dự án” | | | | x | | | | | x | x | x |
| 5 | Chương 5: Quản trị hàng dự trữ 5.1. Hàng dự trữ và phân nhóm hàng dự trữ 5.2. Nội dung quản trị hàng dự trữ 5.3. Các mô hình dự trữ | | | x | | | | | x | | x | |

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

| Chuẩn đầu ra | Mức độ thành thạo được đánh giá bởi |
|--------------|---|
| CĐR1 | Bài tập áp dụng, điểm thường xuyên, thảo luận nhóm. |
| CĐR2 | Bài tập áp dụng, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần. |
| CĐR3 | Bài tập áp dụng, điểm thường xuyên, thi kết thúc học phần. |

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

| STT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | Ghi chú |
|-----|--|----------|----------|--------------------------------------|
| 1 | Điểm thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức; điểm thái độ thảo luận; điểm chuyên cần. | 01 điểm | 20% | Điểm trung bình của các lần đánh giá |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa học phần | 01 điểm | 30% | |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | 01 điểm | 50% | |

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên, được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện của sinh viên trên lớp, tinh thần tác phong xây dựng bài, thái độ thảo luận, hoạt động nhóm và tinh thần thực hiện nhiệm vụ tự học.

- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (thời gian 90 phút).

- Thi kết thúc học phần: Tự luận (thời gian 90 phút).

12. Phương pháp dạy và học

- Phương pháp động não
- Dạy học dựa trên vấn đề
- Tổ chức học theo nhóm
- Tổ chức cho sinh viên tranh luận

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về chuyên cần, ý thức, thái độ học tập: Sinh viên tham dự tối thiểu 80% thời lượng của học phần. Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Ghi chép và tích cực làm các chủ đề tự học, tự nghiên cứu.

- Yêu cầu về học tập và nghiên cứu tài liệu học tập: Làm đầy đủ các bài tập áp dụng, các chủ đề thảo luận, hoạt động nhóm. Đọc và nghiên cứu các tài liệu theo nhiệm vụ sinh viên.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo kế hoạch tiến độ, quy chế.

14. Tài liệu học tập:

- Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Sao Đỏ (2018), *Giáo trình Quản trị sản xuất 2*, Hải Dương.

- Tài liệu tham khảo

[2] Trương Đức Lực (2010), Nguyễn Đình Trung, *Giáo trình Quản trị tác nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

[3] TS. Trần Đức Lộc (2009), *Bài tập Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, NXB Tài Chính.

15. Nội dung chi tiết học phần:

| TT | Nội dung giảng dạy | Lý thuyết | Thực hành | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên |
|----|--|-----------|-----------|--------------------|--|
| 1 | <p>Chương 1: Hoạch định tổng hợp</p> <p>Mục tiêu chương: Trình bày được thực chất và nhiệm vụ hoạch định tổng hợp. Phân tích được các chiến lược và áp dụng các phương pháp trong hoạch định tổng hợp.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>1.1. Thực chất và nhiệm vụ của hoạch định tổng hợp</p> <p>1.2. Các chiến lược trong hoạch định tổng hợp</p> <p>1.2.1. Chiến lược thay đổi mức dự trữ</p> <p>1.2.2. Chiến lược thay đổi nhân lực theo mức cầu</p> <p>1.2.3. Chiến lược thay đổi cường độ lao động của nhân viên</p> <p>1.2.4. Chiến lược thuê gia công ngoài hoặc làm gia công cho bên ngoài.</p> <p>1.2.5. Chiến lược sử dụng nhân công làm việc bán thời gian</p> <p>1.2.6. Chiến lược tác động đến cầu</p> <p>1.2.7. Chiến lược đặt cọc trước</p> <p>1.2.8. Chiến lược sản xuất sản phẩm hỗn hợp theo mùa</p> | 3 | | [1] [2] | <p>- Nghiên cứu tài liệu [1], chương 1, mục 1.1 đến 1.2.</p> <p>- Đọc tài liệu [2] chương 7 tr209-222.</p> |

| TT | Nội dung giảng dạy | Lý thuyết | Thực hành | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên |
|----|---|-----------|-----------|--------------------|--|
| 2 | <p>Chương 1 (tiếp)</p> <p>1.3. Các phương pháp hoạch định tổng hợp</p> <p>1.3.1. Kỹ thuật hoạch định bằng trực giác</p> <p>1.3.2. Phương pháp biểu đồ và phân tích chiến lược.</p> <p>1.3.3. Phương pháp cân bằng tối ưu</p> | 3 | | [1] [2] [3] | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu [1], chương 1, mục 1.3. - Đọc tài liệu [2] chương 7 tr223-232. - Làm bài tập chương 6, tài liệu [3]. |
| 3 | <p>Chương 1 (tiếp)</p> <p>Bài tập chương 1: Xác định tổng chi phí sản xuất.</p> | 3 | | [3] | <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập chương 7, tài liệu [3] trang 106 -109 |
| 4 | <p>Chương 2: Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu</p> <p>Mục tiêu chương: Trình bày được thực chất hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu. Phân tích được trình tự hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu và áp dụng các phương pháp xác định kích cỡ lô hàng trong lựa chọn cỡ lô.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>2.1. Thực chất và yêu cầu của hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu</p> <p>2.1.1. Khái niệm MRP</p> <p>2.1.2. Mục tiêu của MRP</p> <p>2.1.3. Các yêu cầu trong ứng dụng MRP</p> <p>2.2 Xây dựng hệ thống hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu</p> <p>2.2.1. Những yếu tố cơ bản của hệ thống MRP</p> <p>2.2.2. Trình tự hoạch định yêu cầu nguyên vật liệu</p> | 3 | | [1] [2] | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu [1], chương 2, mục 2.1 đến 2.2. - Đọc tài liệu [2], chương 8 tr235-248. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Lý thuyết | Thực hành | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên |
|----|---|-----------|-----------|--------------------|---|
| 5 | <p>Chương 2 (tiếp)</p> <p>2.3. Phương pháp xác định kích cỡ lô hàng</p> <p>2.3.1. Mua theo lô</p> <p>2.3.2. Phương pháp đặt hàng cố định theo một số giai đoạn</p> <p>2.3.3. Phương pháp cân đối các giai đoạn bộ phận</p> <p>2.3.4. Phương pháp xác định cỡ lô theo mô hình EOQ</p> | 3 | | [1] [2] | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu [1], chương 2, mục 2.3. - Đọc tài liệu [2] chương 8 tr249-255. |
| 6 | <p>Chương 2 (tiếp)</p> <p>2.4. Đảm bảo sự thích ứng của hệ thống MRP với những thay đổi của môi trường</p> <p>2.4.1. Sự cần thiết phải đảm bảo MRP thích ứng với môi trường</p> <p>2.4.2. Các kỹ thuật đảm bảo MRP thích ứng với những thay đổi của môi trường.</p> | 3 | | [1] [2] [3] | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu [1], chương 2, mục 2.4.1 đến 2.4.2. - Đọc tài liệu [2] chương 8 tr255-262. |
| 7 | Bài tập chương 2: Xác định kích cỡ lô hàng và Lập kế hoạch nhu cầu nguyên vật liệu | 3 | | [1] [2] [3] | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu [1], chương 2. - Làm bài tập chương 7 tài liệu [3]. |
| 8 | <p>Kiểm tra giữa học phần</p> <p>Chương 3: Điều độ sản xuất trong doanh nghiệp</p> <p>Mục tiêu chương: Trình bày được thực chất điều độ sản xuất. Lập được lịch trình sản xuất và áp dụng các phương pháp phân giao công việc trên 1 đối tượng và trên nhiều đối tượng.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> | 3 | | [1] [2] [3] | <p>Làm bài kiểm tra giữa học phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu [1], chương 3, mục 3.1. - Đọc tài liệu [2] chương 10 tr299-309. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Lý thuyết | Thực hành | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên |
|----|---|-----------|-----------|--------------------|---|
| | <p>3.1. Thực chất, vai trò của điều độ sản xuất</p> <p>3.1.1. Thực chất của điều độ sản xuất trong doanh nghiệp</p> <p>3.1.2. Đặc điểm và điều độ sản xuất trong các hệ thống sản xuất khác nhau.</p> <p>3.1.3. Lập lịch trình sản xuất</p> | | | | |
| 9 | <p>Chương 3 (tiếp)</p> <p>3.2. Phân giao công việc trên một máy trong hệ thống sản xuất bố trí theo quá trình</p> <p>3.2.1. Các nguyên tắc ưu tiên trong phân giao công việc trên một máy</p> <p>3.2.2. Nguyên tắc dùng chỉ số tới hạn</p> | 3 | | [1] [2] | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu [1], chương 3, mục 3.2. - Đọc tài liệu [2] chương 10 tr309-318. |
| 10 | <p>Chương 3 (tiếp)</p> <p>3.3. Phương pháp phân giao công việc trên nhiều đối tượng</p> <p>3.3.1. Phương pháp Johnson bố trí thứ tự thực hiện công việc trên hai máy.</p> <p>3.3.2. Phân giao công việc cho nhiều máy ở trạng thái động</p> <p>3.3.3. Sử dụng bài toán Hungary trong phân giao n công việc cho n đối tượng.</p> <p>Bài tập chương 3: Sắp xếp công việc và điều độ sản xuất</p> | 3 | | [1] [2] [3] | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu [1], chương 3, mục 3.3. - Đọc tài liệu [2], chương 10 tr318-331. - Làm bài tập chương 8 tài liệu [3]. |
| 11 | <p>Chương 4: Quản trị dự án sản xuất</p> <p>Mục tiêu chương: Trình bày nội dung của quản trị dự án. Phân tích được các giai đoạn của chuẩn bị dự án. Lập kế hoạch, đánh giá và kiểm tra được dự án sản xuất kinh doanh.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>4.1. Dự án và quản trị dự án</p> <p>4.1.1. Dự án và chu kỳ dự án</p> | 3 | | [1] [2] | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu [1], chương 4, mục 4.1.1 đến 4.3.2. - Đọc tài liệu [2] chương 9 tr263-273. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Lý thuyết | Thực hành | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên |
|----|--|-----------|-----------|--------------------|--|
| | 4.1.2. Sự khác biệt giữa quản trị dự án và quản trị kinh doanh 4.1.3. Chức năng của quản trị dự án 4.1.4. Cán bộ quản trị dự án 4.2. Giai đoạn chuẩn bị dự án 4.2.1. Nghiên cứu khả thi 4.2.2. Đánh giá và lựa chọn dự án 4.3. Lập kế hoạch dự án 4.3.1. Yêu cầu đối với kế hoạch và công tác lập kế hoạch dự án 4.3.2. Nội dung của việc lập kế hoạch dự án | | | | |
| 12 | Chương 4 (tiếp) 4.4. Đánh giá và kiểm tra dự án 4.4.1. Tổ chức hệ thống thông tin trong quản trị dự án 4.4.2. Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án 4.5. Phát triển dự án và giai đoạn “sau dự án” 4.5.1. Kết thúc dự án và đánh giá dự án sau khi kết thúc dự án 4.5.2. Chuyển giao dự án và khai thác dự án 4.5.3. Giai đoạn “sau dự án” | 3 | | [1] [2] | - Nghiên cứu tài liệu [1], chương 4, mục 4.4 đến 4.5. - Đọc tài liệu [2] chương 9 tr273-287. |
| 13 | Chương 5: Quản trị hàng dự trữ Mục tiêu chương: Trình bày nội dung hàng dự trữ và phân nhóm hàng dự trữ. Phân tích và lựa chọn được mô hình dự trữ phù hợp cho doanh nghiệp. Nội dung cụ thể: 5.1. Hàng dự trữ và phân nhóm hàng dự trữ 5.1.1. Hàng dự trữ và sự cần thiết có | 3 | | [1] [2] | - Nghiên cứu tài liệu [1], chương 5, mục 5.1 đến 5.2. - Đọc tài liệu [2] chương 11 tr333-340. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Lý thuyết | Thực hành | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên |
|----|--|-----------|-----------|--------------------|---|
| | <p>hàng dự trữ</p> <p>5.1.2. Phân nhóm hàng dự trữ theo kỹ thuật phân tích ABC</p> <p>5.2. Nội dung quản trị hàng dự trữ</p> <p>5.2.1. Chi phí dự trữ</p> <p>5.2.2. Nội dung quản trị hàng dự trữ</p> | | | | |
| 14 | <p>Chương 5 (tiếp)</p> <p>5.3. Các mô hình dự trữ</p> <p>5.3.1. Mô hình lượng đặt hàng kinh tế cơ bản (EOQ)</p> <p>5.3.2. Mô hình lượng đặt hàng theo nhịp điệu sản xuất/cung ứng (POQ)</p> <p>5.3.3. Mô hình dự trữ thiếu (BOQ)</p> <p>5.3.4. Mô hình khẩu trữ theo số lượng (QDM)</p> | 3 | | [1] [2] | <p>- Nghiên cứu tài liệu [1], chương 4, mục 5.3.1 đến 5.3.4.</p> <p>- Đọc tài liệu [2] chương 11 tr340-357.</p> |
| 15 | <p>Chương 5 (tiếp)</p> <p>5.3.5. Mô hình lô sản xuất kinh tế (ELP)</p> <p>5.3.6. Dự trữ bảo hiểm (SS)</p> <p>5.3.7. Ứng dụng mô hình phân tích cận biên để xác định lượng dự trữ tối ưu</p> <p>Bài tập chương 5: Xác định lượng đặt hàng kinh tế cơ bản, lượng đặt hàng sản xuất.</p> | 3 | | [1] [2] [3] | <p>- Nghiên cứu tài liệu [1], chương 4, mục 5.3.5 đến 5.3.7.</p> <p>- Đọc tài liệu [2] chương 11 tr356-364.</p> <p>- Làm bài tập chương 9 tài liệu [3].</p> |

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

Nguyễn Thị Chuyên

Nguyễn Thị Ngọc Mai